

Bản án số: 723/2022/HS-PT

Ngày: 23 – 9 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn T1ửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 431/2022/TLPT-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo Hoàng Đình T và Phạm Duy A.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Hoàng Đình T**, sinh năm 1971 tại Hà Nội; nơi cư trú (HKTT): Số 64, đường C, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 115/22/32, đường N, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Luật sư; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Hoàng Quốc V, sinh năm 1932 (chết) và bà Nguyễn Thị C, 90 tuổi; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/5/2012 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm tuyên phạt 20 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vu khống” (đã xóa án tích); tạm giữ: Ngày 11/4/2021; tạm giam: Ngày 20/4/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. **Phạm Duy A**, sinh năm 1984 tại Hà Nội; nơi cư trú (HKTT): Số 45, đường Q, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phạm Ngọc M, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, năm sinh không rõ (chết); có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân

thân: Ngày 08/01/2002 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (đã xóa án tích); tạm giữ: Ngày 11/4/2021; tạm giam: Ngày 20/4/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Hoàng Đình T*: Luật sư Bùi Quang N và Luật sư Lý Trung D – thuộc Công ty Luật Hợp danh N – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Duy A*: Luật sư Nguyễn Văn T3 – thuộc Văn phòng Luật sư Mai Trung T4 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Bị hại**: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người làm chứng**:

1. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Minh H2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 279/12, đường L, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Văn S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp 5A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Phạm Trọng N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 310, đường Điện Biên Phủ, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Lê Minh S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Trong vụ án này người bị hại không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn T1, sinh 1975 đang sử dụng thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10, diện tích 50.378m² (loại đất rừng sản xuất) tọa lạc tại ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2020, anh T1 lấy lớp đất mặt bán cho người khác thì bị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T phát hiện lập biên bản và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 15.000.000 đồng, buộc tạm dừng cải tạo đất. Anh Nguyễn Văn T2 là hàng xóm với anh T1 giới thiệu chị L1 (chưa rõ họ tên, địa chỉ), L1 giới thiệu cho anh T1 gặp bị cáo Hoàng Đình T, T tự giới thiệu là Luật sư và bị cáo Phạm Duy A, cùng ngụ tại Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Qua đó, T và Duy A hứa với anh T1 là sẽ lo thủ tục chuyển mục đích sử dụng phần đất nêu trên từ đất rừng sản xuất thành đất vườn, ao, chuồng để anh T1 được khai thác lớp đất mặt.

Vào đầu tháng 5 năm 2020 (ngày không nhớ cụ thể), T và Duy A từ Thành phố Hồ Chí Minh đến gặp anh T1 để nói chuyện về thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Để tạo lòng tin với anh T1, T và Duy A nói dối là có quen biết với nhiều Lãnh đạo ở tỉnh Đồng Tháp, Lãnh đạo ở Trung ương và có quen biết rộng, nhưng thực tế các bị cáo không quen biết ai và cả hai biết rõ không chuyển được mục đích sử dụng đất nhưng vẫn hứa với anh T1 là làm được thủ tục để anh T1 chi tiền. Sau đó, T cùng Duy A, Thắng đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, nhưng chỉ có một mình T đi vào cơ quan, còn anh T1 và Duy A ở ngoài đợi, T đi vào gặp anh Lê Minh S là Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường hỏi về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T1 và xin số điện thoại của anh S, không đề cập gì đến thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Khoảng 01 giờ đồng hồ sau, T đi ra nói rằng người cần tìm để liên hệ đã đi vắng.

Đến cuối tháng 5 năm 2020, các bị cáo Hoàng Đình T và Phạm Duy A tiếp tục xuống huyện T, tỉnh Đồng Tháp. T và Duy A kêu anh T1 đến quán “Phương Nam” tại thị trấn Mỹ An, huyện T để ăn cơm với anh Lê Minh S nhưng không cho anh T1 vào. Khi ăn cơm, T và Duy A không đề cập gì với anh S về thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho anh T1, nhưng sau đó T và Duy A nói với anh T1 là đã lo thủ tục cho anh T1 rồi, anh T1 tin tưởng nên đưa cho T và Duy A số tiền 220.000.000 đồng (chuyển khoản và nhận tiền mặt). Sau đó, anh T1 tiếp tục bán lớp đất mặt thì bị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T lập biên bản vi phạm hành chính, anh T1 liên hệ T và Duy A thì cả hai kêu anh T1 đưa thêm tiền để lo vụ xử phạt và làm xong giấy tờ, anh T1 tin tưởng nên đưa thêm cho T và Duy A nhiều lần với tổng số tiền là 260.000.000 đồng nhưng các bị cáo không thực hiện như lời đã hứa. Anh T1 tiếp tục nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp buộc khôi phục lại hiện trạng đất ban đầu, anh T1 tiếp tục liên hệ T và Duy A thì cả hai nói đưa thêm tiền để hoàn thành giấy tờ trong thời hạn 60 ngày, T và Duy A viện lý do Đại hội Đảng thay đổi Lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp sẽ kéo dài thời gian.

Sau khi các bị cáo Hoàng Đình T, Phạm Duy A nhiều lần nhận tiền với số tiền tổng cộng là 480.000.000 đồng (trong đó bị cáo T nhận 160.000.000 đồng, bị cáo Duy A nhận 320.000.000 đồng) nhưng cả hai không thực hiện, vì thực chất số tiền này cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân hết, anh T1 nghi ngờ có dấu hiệu lừa đảo nên đến trình báo sự việc với Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian Công an tiếp nhận, xử lý nguồn tin về tội phạm thì T và Duy A tiếp tục điện thoại, nhắn tin qua Zalo kêu anh T1 đưa thêm 250.000.000 đồng để hoàn chỉnh giấy tờ. Anh T1 kêu T và Duy A đến thị trấn Mỹ An, huyện T để nhận tiền.

Sáng ngày 11/4/2021, T và Duy A thuê anh Trần Minh H2 lái xe ô tô đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thị trấn Mỹ An, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để nhận tiền, nhưng cả hai chỉ nói với anh Hiếu là đi công chuyện. Khi T cùng Duy A vào quán nước “Hana” thuộc thị trấn Mỹ An, huyện T nhận của anh T1 100.000.000 đồng thì cả hai bị Công an huyện T bắt quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày tạm giữ (ngày 11/4/2021).

Căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Đình T 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước và cấm bị cáo hành nghề Luật sư trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ khi bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy A 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày tạm giữ (ngày 11/4/2021).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2022, bị cáo Phạm Duy A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/5/2022, bị cáo Hoàng Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hình phạt bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:

Tòa sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Hoàng Đình T, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là, gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi mẹ già, con nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương; sau khi Tòa sơ thẩm xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền nộp phạt bổ sung. Tuy nhiên xét thấy, mức án 09 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt là đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không nặng.

Đối với bị cáo Phạm Duy A, bị cáo chiếm đoạt số tiền 320.000.000 đồng, tuy nhiên không khắc phục hậu quả nên mức án 09 năm tù mà Tòa sơ thẩm xử phạt là đã cân nhắc, đánh giá vai trò của bị cáo trong vụ án, xử phạt phù hợp với tính chất, mức độ mà bị cáo thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của cả 02 bị cáo, giữ nguyên hình phạt mà Tòa sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Đình T tranh luận:

Các luật sư không có ý kiến tranh luận về tội danh. Tuy nhiên không đồng ý với ý kiến phát biểu giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát vì bị cáo Hoàng Đình T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng chưa được cấp sơ thẩm ghi nhận hết như gia đình bị cáo có công với cách mạng; sau khi bị xử phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp để thi hành hình phạt nêu trên là thể hiện thái độ thực sự biết ăn năn hối cải. Ngoài ra bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, nuôi mẹ già có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T, giảm hình phạt chính, cũng như hình phạt bổ sung cấm hành nghề đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Duy A tranh luận:

Luật sư cũng thống nhất về tội danh mà cấp sơ thẩm truy tố, xét xử. Tuy nhiên luật sư cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên là không chính xác, vì mặc dù bị cáo Anh cũng như bị cáo T nhiều lần nhận tiền của người bị hại, tuy nhiên các lần nhận tiền được cộng lại để truy tố khoản 4 nên không thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên như bản án sơ thẩm áp dụng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng và giảm hình phạt cho bị cáo Phạm Duy A.

Bị cáo Hoàng Đình T tham gia tranh luận, cho rằng trong suốt hơn 20 năm hành nghề luật sư, bị cáo không lừa dối khách hàng và đối với hành vi thực hiện với anh T1 bị cáo cho rằng mình không vi phạm Luật Luật sư, do đó bị cáo mong Hội đồng xét xử đánh giá thấu đáo để miễn hoặc giảm hình phạt cấm hành nghề đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng, cả hai bị cáo đều tỏ thái độ biết ăn năn hối cải và mong được chấp nhận đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Duy A và Hoàng Đình T đúng về nội dung, hình thức và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Đình T khai nhận, quen biết với anh Nguyễn Văn T1 qua Phạm Duy A do Duy A được một người tên L1 giới thiệu. Anh T1 có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất số 78, tờ bản đồ số 10, diện tích 50.378m² (loại đất rừng sản xuất) tọa lạc tại ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đây là loại đất không được phép chuyển đổi mục đích sử dụng sang loại đất khác (Công văn số 2017 ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T).

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của anh T1 nên Hoàng Đình T và Phạm Duy A đã đưa ra thông tin gian dối là quen biết với một số lãnh đạo tỉnh Đồng

Tháp và Trung ương đã nhiều lần nhận của anh T1 với số tiền 480.000.000 đồng (trong đó T nhận 160.000.000 đồng và Duy A nhận 320.000.000 đồng) vào khoảng tháng 5 năm 2020. Ngày 11/4/2021 khi T và Duy A đến quán nước “Hana” thuộc thị trấn Mỹ An, huyện T để tiếp tục nhận của anh T1 100.000.000 đồng thì cả hai bị Công an huyện T bắt quả tang.

Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Đình T được bị cáo Phạm Duy A thừa nhận và phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo nhiều lần nhận tiền từ anh T1 với mỗi lần số tiền đều trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên.

[2] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng với vai trò giản đơn vì trong vụ án không có sự phân công vai trò cụ thể mà cùng nhau thực hiện. Tuy nhiên cần phân tích vai trò của từng bị cáo để cá thể hòa hình phạt. Bị cáo T là người giữ vai trò chính, trực tiếp gặp bị hại T, đưa ra thông tin gian dối, tư vấn và dẫn dắt người bị hại. Còn bị cáo Duy A là người nhận tiền nhiều lần và số tiền lớn hơn, nên tòa sơ thẩm xem trách nhiệm hình sự của các bị cáo ngang nhau là có căn cứ, phù hợp với vai trò của các bị cáo.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ.

Đối với bị cáo Phạm Duy A, chiếm đoạt số tiền 320.000.000 đồng, nhưng không khắc phục được hậu quả, do đó Tòa sơ thẩm sau khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt mức án 09 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác, nên yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Đối với bị cáo Hoàng Đình T, mặc dù cấp sơ thẩm đã áp dụng dưới khung hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự biết ăn năn hối cải, khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra gia đình bị cáo có công với cách mạng nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện thi hành hình phạt bổ sung là nộp toàn bộ số tiền 40.000.000 đồng mà Tòa án xử phạt (Biên lai thu tiền số: 0004616, quyển số: 0093, ký hiệu biên lai: 14AH-21 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp). Tại phiên Tòa phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là: bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương (UBND xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt chính của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hình phạt bổ sung cấm hành nghề, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội mặc dù bị cáo không tham gia với tư cách là luật sư, tuy nhiên quá trình tiếp xúc với người bị hại, bị cáo giới thiệu bản thân mình là luật sư nên tạo lòng tin tưởng từ người bị hại. Do đó cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt cấm hành nghề là có căn cứ. Tuy nhiên thời hạn cấm 03 năm là nghiêm khắc và không cần thiết. Do đó yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt này của bị cáo cũng được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Quan điểm bào chữa cho bị cáo Hoàng Đình T của các vị luật sư được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Không chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư đối với bị cáo Phạm Duy A.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Đình T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Bị cáo Phạm Duy A phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Duy A. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt đối với bị cáo Phạm Duy A.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Đình T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt đối với bị cáo Hoàng Đình T.

Tuyên xử:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày tạm giữ (ngày 11/4/2021). Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Đình T 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung

vào ngân sách Nhà nước và cấm bị cáo hành nghề Luật sư trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi bị cáo chấp hành xong hình phạt chính.

Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy A 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày tạm giữ (ngày 11/4/2021). Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Duy A phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo Hoàng Đình T không phải chịu.

[4] Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Tháp (3);
(Để t/đ cho các bị cáo)
- BH (1);
- Lưu (6). HS (2) 18b (Ấn36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long